

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829804] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2305A)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 18..

Số bài thi:0..

Số tờ giấy thi: 18.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		Bac	7.0	7.5	7.3
2	2123050188	Châu Du	18/05/2005	CCQ2305A					
3	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A		Duy	7.1	7.5	7.3
4	2123050019	Nguy Thành Giảng	01/05/2005	CCQ2305A		Gi	6.1	8.0	7.2
5	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A		Hieu	7.0	9.0	8.2
6	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A		Hoi	6.7	8.0	7.5
7	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A		Huy	6.6	8.0	7.4
8	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A		Huy	8.8	10	9.5
9	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A					
10	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		Kiet	7.2	9.0	8.3
11	2123050020	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A		Ly	7.3	8.5	8.0
12	2123050007	Vũ Văn Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		Manh	7.7	8.5	8.2
13	2123050213	Trần Huy Phú	02/02/2003	CCQ2305A		Phu	5.9	8.0	7.2
14	2123050032	Phạm Minh Quý	03/03/2004	CCQ2305A		Qu	8.1	10	9.2
15	2123050009	Nguyễn Thái Sơn	02/06/2005	CCQ2305A		Son	6.8	9.5	8.4
16	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A		Tan	5.9	8.0	7.2
17	2123050233	Nguyễn Tấn Thành	04/07/2005	CCQ2305A		Thanh	6.0	8.0	7.2
18	2123050047	Nguyễn Toàn	21/04/2005	CCQ2305A		Toan	7.3	8.5	8.0
19	2123050042	Nguyễn Văn Trí	24/08/2005	CCQ2305A		Tri	5.9	8.0	7.2
20	2123050030	Trần Hưng Trung	23/07/2005	CCQ2305A		Trung	7.4	8.5	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829809] - Thí nghiệm đo lường
điện và khí cụ điện (CCQ2305A)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050102	Nguyễn Tấn	Khôi	01/02/2004	CCQ2205C		6,9	8,0	7,6
2	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		6,9	8,0	7,6
3	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B		5,9	8,0	7,2
4	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B		6,8	8,0	7,5
5	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		6,5	8,0	7,4
6	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Sơn	28/10/2005	CCQ2305B		7,4	9,0	8,4
7	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B		6,9	8,0	7,6
8	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B		6,5	9,0	8,0
9	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B		8,2	9,5	9,0
10	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B		7,3	9,5	8,6
11	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A		5,9	7,5	6,9
12	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A		6,2	8,0	7,3
13	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B		7,9	9,5	8,9
14	2123050081	Tô Quốc	Tuyền	13/09/2005	CCQ2305B		5,4	8,0	7,0
15	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B		6,6	8,0	7,4
16	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A		6,5	8,0	7,4
17	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A		6,0	7,5	6,9
18	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B		8,3	10	9,3